

Số: /BC-SCT

Hà Nam, ngày tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển công nghiệp – thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

I. Khái quát chung những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện Nghị quyết

1. Thuận lợi:

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh liên tục tăng cao qua các năm (trên 11%/năm); thu hút đầu tư đạt kết quả tốt. Một số dự án lớn đã đi vào hoạt động cả trong hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ thương mại mang lại nhiều hiệu ứng kinh tế tích cực; Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ; An sinh xã hội, đời sống nhân dân ổn định.

Lãnh đạo Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo đến phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tự cơ cấu lại sản xuất để vượt qua khó khăn, duy trì, phát triển mở rộng sản xuất, hướng đến nâng cao năng lực quản trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nhằm chủ động thích nghi với tình hình, yêu cầu mới.

Các Sở, ngành và các huyện, thành phố đã phối hợp đồng bộ tổ chức thực hiện Nghị quyết tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển công nghiệp – thương mại.

Sự phát triển mạnh mẽ về khoa học công nghệ đã tạo điều kiện cung cấp các sản phẩm thương mại dịch vụ đa dạng và chất lượng, phục vụ tích cực cho các giao dịch thương mại, nhất là thương mại điện tử.

2. Khó khăn:

Bên cạnh thuận lợi còn nhiều khó khăn, thách thức: tình hình kinh tế-chính trị thế giới, khu vực diễn biến rất phức tạp; dịch bệnh, thời tiết khó lường.... đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân. Qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội trong đó có hoạt động công nghiệp – thương mại.

Công nghiệp hỗ trợ là nền tảng phát triển cho tất cả các ngành công nghiệp khác, được xem như một trong những nhân tố then chốt giúp phát triển nền kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc.

II. Kết quả triển khai thực hiện

1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển công nghiệp –thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt , Sở đã tổ chức công bố Quy hoạch thông qua Hội nghị công bố Quy hoạch và đăng tải rộng rãi trên Website của Sở đến đông đảo tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết, quy hoạch đã được phê duyệt các Sở, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng, lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch phát triển hàng năm đảm bảo kịp thời sát với thực tế.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết

2.1 Kết quả thực hiện mục tiêu Nghị quyết

- Về phát triển công nghiệp:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (*giá SS 2010*) năm 2019 đạt 107.199 tỷ đồng tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt; năm 2020 ước đạt 122.618 tỷ đồng; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 15,5%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết (*mục tiêu Nghị quyết tăng trưởng giai đoạn 2016-2020 là 15,14%/năm*).

+ Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2019 đạt 55,1%; dự kiến năm 2020 chiếm tỷ trọng 55,8%, cao hơn mục tiêu Nghị quyết và chưa đáp ứng yêu cầu giảm dần về tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh (chỉ tiêu đến năm 2020 là 53,7%).

- Về phát triển thương mại:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành thương mại tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 -2020 dự kiến đạt 10,9%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết (mục tiêu Nghị quyết là trên 10%).

+ Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội duy trì mức tăng trưởng khá; năm 2019 đạt 25.580 tỷ đồng, dự kiến năm 2020 đạt 29.700 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt 15,64%, vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu Nghị quyết là 15,5%).

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2019 đạt 3.100 triệu USD; năm 2020 ước đạt 3.565 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt

28,1%/năm vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu nghị quyết là đến 2020 đạt 2,5 tỷ USD, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 20%/năm).

2.2 Kết quả thực hiện các nội dung quy hoạch định hướng về phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu, quy hoạch định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh

2.2.1 Về định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu

- Công nghiệp chế biến nông sản – thực phẩm, đồ uống:

Thời gian qua, ngành Công nghiệp chế biến nông sản - thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016-2020 đạt 17.6%/năm (vượt 1.1% so với mục tiêu quy hoạch)

Một số doanh nghiệp đáng chú ý có đóng góp cao về giá trị sản xuất của ngành như: Công ty TNHH Friesland campina Hà Nam sản xuất các sản phẩm sữa; Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Lý; Công ty TNHH Numberone Hà Nam sản xuất các sản phẩm nước giải khát; Một số nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi có quy mô công suất lớn như Cty CP Dinh dưỡng Hồng Hà, Công ty Cargill Việt Nam, Anco ... Đặc biệt là tổ hợp chế biến thịt có công suất thiết kế 1,4 triệu con heo mỗi năm, tương đương 140.000 tấn của Công ty CP Masan Nutri-Science Hà Nam tại khu công nghiệp Đồng Văn IV; một số cơ sở chế biến nông sản nhỏ tại các vùng Lý Nhân, Bình Lục ...

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua vẫn chưa thu hút được nhiều các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản để thúc đẩy phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn; dự án nhà máy sữa Nutifood Hà Nam phải giãn, chậm tiến độ đầu tư.

- Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử:

Đây là nhóm sản phẩm có sự phát triển nhanh và mạnh về giá trị sản xuất cũng như chủng loại sản phẩm (đúng với định hướng tăng cường thu hút đầu tư của tỉnh); Năm 2019 giá trị sản xuất công nghiệp ngành này đạt 24.200 tỷ đồng. Năm 2020 ước đạt 30.560 tỷ đồng. Tăng trưởng bình quân GTSXCN giai đoạn 2016-2020 đạt 26,72%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết (mục tiêu Nghị quyết là 25,79%).

Doanh nghiệp sản xuất của nhóm sản phẩm điện, điện tử chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nằm trong các khu công nghiệp. Sản phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử, điện thoại, các bo mạch, các sản phẩm điện như dây điện và thiết bị điện ...

- Công nghiệp cơ khí chế tạo, lắp ráp:

Công nghiệp cơ khí chế tạo, lắp ráp Hà Nam trong những năm qua có bước phát triển rất nhanh. Đồng thời với phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp, xe máy, trên địa bàn tỉnh đã và đang hình thành một số nhà máy cơ khí sản xuất các loại phụ tùng chi tiết có chất lượng cao phục vụ cho lắp ráp ô tô, xe máy, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá ô tô,

xe máy. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều xưởng cơ khí nhỏ, sản xuất các loại sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp xây dựng và sản xuất các sản phẩm công cụ cầm tay.

Giá trị SXCN năm 2019 đạt 17.360 tỷ đồng, năm 2020 ước đạt 21.445 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân 21,6%/năm giai đoạn 2016-2020 (chưa đạt chỉ tiêu). *(do trong thời gian qua thu hút ít các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cơ khí, chế tạo, chủ yếu sản lượng và giá trị do nhà máy Honda tại KCN Đồng Văn II; Tuy nhiên thời gian tới khi nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Hồng Đức đi vào hoạt động ngành công nghiệp này sẽ có bước phát triển vượt bậc).*

- Công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng:

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh tuy không phải là ngành khuyến khích phát triển nhưng vẫn là ngành có lợi thế, thế mạnh của tỉnh. Hiện nay, có 11 nhà máy sản xuất xi măng đang hoạt động với tổng công suất 15,87 triệu tấn/năm; sản lượng thực tế năm 2019 đạt 9,52 triệu tấn, năm 2020 ước đạt 15,5 triệu tấn¹. Ngoài ra, có 02 dự án nhà máy xi măng đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai xây dựng (công suất 6,8 triệu tấn/năm) và 02 dự án được Chính phủ đồng ý chủ trương (công suất 4,6 triệu tấn/năm)². Mục tiêu Nghị quyết duy trì ổn định công suất xi măng là 18,07 triệu tấn/năm vẫn được đảm bảo đến năm 2020. Tuy nhiên, giai đoạn sau năm 2020, khi 4 nhà máy xi măng đang đầu tư đi vào hoạt động thì Hà Nam sẽ có tổng công suất xi măng là 27,27 triệu tấn/năm.

Sản lượng đá khai thác năm 2019 đạt 13,34 triệu tấn; năm 2020 ước đạt 12,58 triệu tấn³. Tuy không duy trì được mức sản lượng như trong Nghị quyết (10 triệu m³) nhưng đang có sự giảm dần *(Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã ký ban hành 26 văn bản chấm dứt giấy phép khai thác mỏ với tổng công suất khoảng 1,2 triệu m³. Hiện chỉ còn 03 doanh nghiệp với 03 giấy phép khai thác quy mô nhỏ, ngắn hạn⁴ sẽ chấp dứt hoạt động khai thác trong năm 2020).*

Các sản phẩm vật liệu xây dựng khác cũng được duy trì sản xuất ổn định đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh như: các sản phẩm gạch (tuylen và gạch không nung, các sản phẩm trang trí nội thất, ...)⁵.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 11%/năm (không duy trì được tốc độ ổn định 9,29%/năm như chỉ tiêu Nghị quyết).

¹ Công suất 11 nhà máy xi măng đang hoạt động: Xi măng Hoàng Long (0,35 triệu tấn/năm), Xi măng Bút Sơn (3 triệu tấn/năm), Xi măng Thành Thắng I (0,45 triệu tấn/năm), Xi măng Vissai I + II (1,82 triệu tấn/năm), Xi măng Kiên Khê (0,12 triệu tấn/năm), Xi măng 77 (0,12 triệu tấn/năm), Xi măng Xuân Thành I (0,91 triệu tấn/năm), Xi măng Xuân Thành II (4,5 triệu tấn/năm), Xi măng Thành Thắng II + III (4,6 triệu tấn/năm).

² Công suất 4 dự án đang triển khai: Xi măng Xuân Thành III (4,5 triệu tấn/năm), Xi măng Long Thành (2,3 triệu tấn/năm), Xi măng Thành Thắng IV + V (4,6 triệu tấn/năm)

³ Năm 2015: sản lượng xi măng đạt 6,43 triệu tấn; đá khai thác đạt 11,28 triệu tấn.

⁴ Công ty TNHH Khai thác đá Hồng Sơn còn (đến tháng 8 hết hạn), và Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường (đến tháng 7/2020 hết hạn), Công ty Nam Sơn (đến tháng 8 hết hạn).

⁵ Năm 2015 sản lượng gạch, ngói các loại đạt 530,8 triệu viên, năm 2019 đạt 685 triệu viên, KH 2020 đạt 900 triệu viên

- *Công nghiệp hóa chất và sản xuất các sản phẩm từ hóa chất, hóa dược:*

Mặc dù đạt được tốc độ tăng trưởng cao nhưng tỷ trọng trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh ngành này vẫn còn khá nhỏ. Tuy nhiên đang có sự tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 20,45%/năm (vượt chỉ tiêu). Một số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa có quy mô lớn đóng góp đáng kể trong ngành này như: Công ty CP nhựa Châu Âu, một số công ty FDI Nhật Bản và Hàn Quốc ...

Tuy nhiên, vẫn chưa thu hút được dự án chế biến và sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu; các dự án bào chế thuốc đạt chuẩn GMP; sản xuất nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu hóa dược vô cơ; sản xuất tá dược thông thường và tá dược cao cấp phục vụ trung tâm y tế chất lượng cao.

- *Công nghiệp Dệt may – Da giày:*

Ngành Dệt may – Da giày của tỉnh duy trì sự phát triển ổn định với những nhà máy hiện có. Thực hiện chủ trương hạn chế thu hút phát triển các dự án máy mặc, thời gian qua trên địa bàn tỉnh chủ yếu tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất cá thể mở rộng quy mô, chuyển đổi lên doanh nghiệp và thu hút một số nhà máy mới có quy mô và hiệu quả kinh tế cao.

Tốc độ tăng trưởng giá trị SXCN bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,17%/năm (vượt mục tiêu).

2.2.2 Về định hướng phát triển thương mại

- *Về phát triển thương mại theo thành phần kinh tế:* Thương mại của tỉnh phát triển với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế với số lượng ngày càng tăng. Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh chủ yếu thuộc về khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

- *Phát triển thương mại theo hình thái tổ chức:*

+ *Phát triển mạng lưới chợ:* Chợ vẫn là loại hình thương mại chủ yếu tại khu vực nông thôn. Do đó các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn qua đã chú trọng đến các hoạt động xây mới, mở rộng và nâng cấp mạng lưới chợ tại các trung tâm cụm xã, xã và các khu dân cư tập trung, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, trong đó đặc biệt chú trọng đến sự phù hợp với tập quán sản xuất và sinh hoạt của cư dân trên địa bàn.

Thực hiện đầu tư xây dựng mới một số chợ như: chợ Hòa Mạc, chợ Điệp Sơn, chợ Liêm Cần, chợ Yên Nam, chợ Nguyễn...Hiện trên địa bàn tỉnh có 110 chợ, trong đó chợ loại 1: 01 chợ (chợ Bầu- Phủ Lý), chợ loại 2: 03 chợ (chợ Vĩnh Trụ- Lý Nhân; chợ Quế- Kim Bảng; chợ Phủ- Bình Lục), chợ loại 3: 105 chợ, 01 chợ đầu mối nông sản, gia súc, gia cầm.

+ *Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, thương mại bán buôn:* Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị hoạt động hiệu quả cung cấp và phục vụ người tiêu

dùng trong tình đầy đủ hàng hoá bảo đảm chất lượng cao. Một số trung tâm thương mại – dịch vụ lớn đã hoàn thành góp phần thay đổi diện mạo đô thị, khu trung tâm thành phố. Hiện trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp bán buôn Rượu, 04 doanh nghiệp bán buôn thuốc lá đủ điều kiện kinh doanh bán buôn.

+ *Trung tâm logistic*: Đến nay, Cảng ICD (cảng cạn) được xây dựng tại Khu công nghiệp Đồng Văn III với diện tích 93.924 m² đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Giai đoạn I (diện tích 30.767m²) đã hoàn thành và đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu xuất-nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- *Quy hoạch phát triển thương mại theo không gian*:

+ *Thương mại đô thị*: Đã thu hút đầu tư một số trung tâm thương mại lớn tại khu vực thành phố Phủ Lý và trung tâm các huyện, thị xã như: hoàn thành, đưa vào vận hành khai thác kinh doanh dự án khách sạn Mường Thanh –Hà Nam; trung tâm thương mại Vincom, khách sạn tiêu chuẩn 5 sao quốc tế Vinpearl Condotel Phủ Lý, khách sạn và khu nhà ở Tiến Lộc, một số nhà hàng, khách sạn khác ở khu vực Phủ Lý, Đồng Văn. Dự kiến năm 2020 sẽ hoàn thành một số dự án trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp trong Khu trung tâm y tế chất lượng cao).

+ *Thương mại nông thôn*: Không chỉ chú trọng phát triển mạng lưới chợ, tại khu vực nông thôn cũng đã xuất hiện những loại hình thương mại khá hiện đại, đáp ứng đa dạng các loại hàng hóa cho người tiêu dùng.

- *Ngoại thương*:

+ *Về xuất khẩu*: Hoạt động xuất khẩu của tỉnh tiếp tục có sự phát triển mạnh, các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu đã chủ động tìm kiếm thị trường khai thác lợi thế của địa phương nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị hàng hoá xuất khẩu; cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp. Một số doanh nghiệp trong các KCN có sản phẩm với giá trị xuất khẩu lớn với các mặt hàng chính như: bộ dây dẫn ô tô, thiết bị điện, điện tử, hàng may mặc... (*Công ty TNHH dây dẫn Sumi Việt Nam, Cty TNHH Seul vina, Công ty TNHH ANAM ELECTRONICS Việt Nam, Công ty TNHH DREAM PLASTIC ...*) đưa giá trị xuất khẩu của tỉnh có bước tăng trưởng mạnh. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2019 đạt 3.100 triệu USD, tăng 13,4% so với năm 2018; năm 2020 dự tính đạt 3.565 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 28,1%/năm.

+ *Nhập khẩu*: Hoạt động nhập khẩu trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

- *Phát triển thương mại điện tử*:

Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh cũng có sự phát triển nhất định. Doanh nghiệp, người dân, các cơ quan quản lý nhà nước đã có sự quan tâm lớn đối với hoạt

động thương mại điện tử. Nhận thức về vị trí, vai trò, những lợi ích của thương mại điện tử đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Nhiều chương trình thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong lĩnh vực thương mại điện tử đã được triển khai như: Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của doanh nghiệp, làm công cụ liên lạc, trao đổi thông tin, giao dịch trực tuyến; hỗ trợ cho doanh nghiệp xây dựng website riêng. Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch Thương mại điện tử, nhằm tạo môi trường ứng dụng TMĐT và hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng marketing trên môi trường mạng, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ không có điều kiện, năng lực, tài chính vận hành và duy trì website riêng. *(theo Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam, chỉ số phát triển thương mại điện tử Hà Nam năm 2019 đứng thứ 26/54 tỉnh, thành được khảo sát, nằm trong топ khá so với cả nước).*

2.3 Kết quả thực hiện các nhóm giải pháp

2.3.1 Tăng cường hiệu quả xúc tiến đầu tư

Thu hút đầu tư đạt được kết quả cao cả về số lượng dự án và tổng mức đầu tư đặc biệt và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư, chuẩn bị sẵn sàng quỹ đất để thu hút đầu tư. Từng bước hoàn thiện các cơ sở hạ tầng về xử lý nước thải; bảo dưỡng, nâng cấp đường giao thông... đến nay đã 07/08 KCN theo quy hoạch đã được triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng cơ bản đồng bộ trên diện tích 1.632,56 ha; trong đó diện tích đất công nghiệp là 1.157,13 ha. 17 CCN với tổng diện tích 280 ha đã cho thuê trên 250ha.

Các dịch vụ về hạ tầng giao thông, cung cấp điện, nước sạch, thoát nước mưa, xử lý nước thải, hệ thống dịch vụ viễn thông, liên lạc, dịch vụ bảo vệ... cơ bản đồng bộ và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, nội dung về cung cấp điện ổn định là một trong 10 cam kết của tỉnh với nhà đầu tư được đầy mạnh thực hiện.

Môi trường thu hút đầu tư ngày càng được cải thiện, công tác thu hút đầu tư tiếp tục được duy trì và phát triển, đặc biệt là đầu tư nước ngoài có nhiều khởi sắc. Các dự án thu hút mới vào trong KCN đảm bảo phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh.

2.3.2 Phát triển nguồn nhân lực

Để đáp ứng nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp, các Sở, ngành liên quan đã triển khai tích cực các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho doanh nghiệp. Công tác đào tạo nghề đã có chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng hiệu quả đào tạo nghề nghiệp; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và nhu cầu học tập của người lao động. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề

nghiệp. Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động; thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo; từng bước đáp ứng các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được củng cố, sắp xếp theo hướng tập trung các ngành, nghề trọng điểm. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang từng bước được nâng lên để đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Kết quả trong giai đoạn 2016-2020 dự kiến đào tạo được trên 100.000 người (*trong đó: từ năm 2016-2019 đào tạo được 79.653 người, dự kiến năm 2020 đào tạo 21.000 người*); hoàn thành chỉ tiêu đào tạo 1.000 lao động ngành công nghiệp hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản theo đúng kế hoạch đặt ra; Ngoài ra còn đào tạo hỗ trợ cho doanh nghiệp từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, kinh phí của một số địa phương.

2.3.3 Phát triển khoa học công nghệ:

Phát triển khoa học và công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, ngành quan tâm đúng mức và từng bước phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu, tạo động lực trong lao động sản xuất, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, các nghiên cứu mang tầm chiến lược, có tính chất đột phá và sản phẩm có sức cạnh tranh trong các lĩnh vực sản xuất, đời sống chưa nhiều. Chất lượng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao thành tựu KH&CN nhìn chung chưa cao. Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thực sự quan tâm đến nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã chú trọng đến việc đăng ký bảo hộ và khai thác giá trị của các đối tượng sở hữu công nghiệp, tuy nhiên so với thực tế, số lượng các doanh nghiệp đăng ký còn rất thấp. Chuyển giao khoa học công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế.

2.3.4 Hợp tác phát triển liên vùng

Công tác liên kết vùng các năm qua còn hạn chế bởi chưa có sự định hướng, điều phối và sự chỉ đạo các địa phương trong vùng. Hoạt động hợp tác phát triển liên vùng thời gian qua thực mới chỉ thực hiện các ký kết hợp tác, ghi nhớ của tỉnh Hà Nam và một số tỉnh khác như TP.Hà Nội, Hòa Bình, Hà Giang... về hợp tác phát triển thương mại, tiêu thụ các mặt hàng nông sản, tiểu thủ công nghiệp, ... Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện chưa đạt kết quả như mong đợi.

2.3.5 Tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường

Các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường, tài nguyên nước để giải quyết có hiệu quả những tồn tại trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất, khoáng sản, tài nguyên nước; Rà soát, đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường nước một

số tuyến sông trên địa bàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các nhà máy xử lý rác thải; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt; thực hiện thanh tra, kiểm tra trong việc sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, các hoạt động khai thác khoáng sản, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm tại các điểm gây bức xúc trong nhân dân.

2.4 Đánh giá trách nhiệm của Sở trong việc thực hiện Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh

Với trách nhiệm là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, công bố rộng rãi Quy hoạch khi được phê duyệt. Sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, Sở đã gửi Quy hoạch tới các Sở, ngành, các địa phương để tổ chức thực hiện và phối hợp phổ biến, tuyên truyền (văn bản số 94/SCT-KHTC ngày 24/01/2018 về việc công bố, phổ biến, tuyên truyền Quy hoạch phát triển công nghiệp – thương mại Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035). Đồng thời tổ chức hội nghị công bố Quy hoạch (ngày 23/01/2018) và đăng tải rộng rãi trên Website của Sở đến đông đảo tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết, quy hoạch đã được phê duyệt Sở đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển ngành 5 năm và kế hoạch phát triển hàng năm đảm bảo kịp thời sát với thực tế.

Phối hợp tích cực, hiệu quả với các Sở, ngành của tỉnh trong việc thẩm định lựa chọn các dự án đầu tư vào tỉnh đảm bảo hiệu quả đúng định hướng, phù hợp với Quy hoạch. Kiên quyết loại bỏ những dự án không đảm bảo phù hợp với Quy hoạch đầu tư vào tỉnh *(trong thời gian qua các Sở, đơn vị thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, thu hút đầu tư đã thực hiện đúng tinh thần nghị quyết nên ngay từ đầu tiếp cận xúc tiến đầu tư đã lựa chọn các dự án đảm bảo phù hợp với tinh thần Nghị quyết (phù hợp với Quy hoạch)).*

Ngoài ra, trong thời gian qua Sở đã có những giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác đá xây dựng như: Tăng cường các hoạt động phổ biến tuyên truyền tới các doanh nghiệp về các quy định của pháp luật; kiểm tra, quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản (đá xây dựng thông thường) theo thiết kế cơ sở được duyệt.

III. Đánh giá chung

1. Về kết quả đạt được

Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết. Sau một thời gian tổ chức triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả nhất định:

Tuy còn một số nhóm ngành phát triển chưa đảm bảo theo đúng tinh thần Nghị quyết. Nhưng đánh giá tổng thể ngành công nghiệp vẫn duy trì mức tăng trưởng cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, đúng định hướng

Đã thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động sản xuất của ngành công nghiệp. Đặc biệt, tỉnh đã thành công trong việc thu hút được một lượng lớn nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành công nghiệp. Thành phần kinh tế này đã tăng trưởng nhanh và cùng với thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khá, giữ vai trò là động lực giúp cho ngành công nghiệp toàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Sản phẩm công nghiệp của tỉnh khá đa dạng, chất lượng ngày càng nâng cao đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước. Phát triển công nghiệp mở rộng theo vùng, lãnh thổ hợp lý, đã thúc đẩy kinh tế và công nghiệp của các địa phương trên toàn tỉnh phát triển.

Số lượng lao động tăng cao, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp tuy vẫn còn nhiều điều bất cập nhưng ngày càng được cải thiện. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển công nghiệp ở mức độ và trình độ cao hơn so với giai đoạn trước để tiến tới hiện đại hóa, công nghiệp hóa nền kinh tế của tỉnh.

Đã hình thành một số sản phẩm công nghiệp có thương hiệu trên thị trường trong nước. Sản lượng của một số sản phẩm chủ yếu của công nghiệp tăng mạnh, một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường (như ngành sản xuất VLXD; chế biến sữa, thực phẩm, Bia, NGK, sản phẩm thuộc ngành CN hỗ trợ (các sản phẩm hỗ trợ để sản xuất thiết bị điện tử); thiết bị điện, điện tử ...).

Việc hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung giúp cho Hà Nam có thể phát triển công nghiệp theo kế hoạch, quy hoạch cụ thể và đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường.

Phát triển công nghiệp mặc dù với tốc độ tăng trưởng cao, với những áp lực về dân số, môi trường, an ninh xã hội ... nhưng vẫn đảm bảo giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Các dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp ngày được nâng cao đáp ứng tốt hơn nhu cầu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp và sinh hoạt của người lao động trong các khu công nghiệp.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội, giá trị xuất khẩu duy trì mức tăng trưởng bình quân cao. Các dịch vụ hoạt động thương mại ngày càng phát triển theo hướng hiện đại (cả thương mại truyền thống và thương mại điện tử).

Các cơ chế, chính sách thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân

Nhóm ngành vật liệu xây dựng phát triển chưa đúng với mục tiêu Nghị quyết: công suất khai thác đá vôi trên 10 triệu m³/năm, công suất xi măng giai đoạn sau năm

2020 là 27,27 triệu tấn/năm, vượt quá mục tiêu ổn định ở mức 18,07 triệu tấn/năm. Nguyên nhân do nhu cầu về đá xây dựng và xi măng (nhất là xi măng chất lượng cao, xi măng chuyên dụng) vẫn còn rất lớn, nên nhiều dự án qui mô lớn vẫn được nghiên cứu báo cáo khả thi.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh Hà Nam đã thu hút được nhiều dự án trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp, tuy nhiên số lượng dự án của ngành công nghiệp hỗ trợ hoặc doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao còn hạn chế. Do tính cạnh tranh cao trong thu hút đầu tư giữa các địa phương trong cả nước và giữa các nước trong khu vực, nên chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có nguồn vốn lớn, có công nghệ hiện đại và có kinh nghiệm quản lý.

Công nghiệp của tỉnh trong thời gian qua mặc dù đã có đầu tư và đổi mới công nghệ nhưng chủ yếu vẫn đang phát triển nhanh theo chiều rộng. Do chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, mở rộng các KCN để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp.

Áp lực giải quyết các vấn đề về môi trường và các vấn đề xã hội khác ngày càng gia tăng do tăng trưởng kinh tế. Mặc dù tỉnh đã rất chú trọng và có nhiều hoạt động tích cực giải quyết các vấn đề trên, song vẫn còn nhiều vấn đề đòi hỏi phải tập trung nguồn lực kinh tế nhiều hơn nữa để công nghiệp Hà Nam thật sự là một nền công nghiệp phát triển bền vững và hiệu quả.

Phát triển hạ tầng thương mại còn chưa đồng đều, một số huyện chưa có các loại hình thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị) do nguồn lực hỗ trợ cho đầu tư phát triển thương mại còn hạn chế, lợi thế thu hút đầu tư giữa các địa phương trong tỉnh khác nhau. Hiệu quả hoạt động của một số chợ chưa cao, nhất là các chợ ở vùng nông thôn do mô hình quản lý chợ chưa phù hợp, cần được chuyển đổi và tình trạng chợ cóc, chợ tạm, các điểm mua bán tự phát vẫn còn diễn ra khá phổ biến.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

1. Về phát triển công nghiệp

1.1. Tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo đạt kết quả cao trong giai đoạn tiếp theo. Tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương về hỗ trợ kinh phí và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho tỉnh, cho doanh nghiệp.

1.2. Tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, thực hiện rà soát lại các tiêu chí, cơ chế chính sách thu hút các dự án đầu tư vào tỉnh nói chung và cơ chế chính sách thu hút đầu tư nước ngoài theo đúng Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính Trị để đảm bảo việc thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ và bảo vệ môi trường là mục tiêu chính để thu hút. Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng ít đất và lao động, có công nghệ cao, vốn đầu tư và đóng góp ngân sách lớn.

1.3.Đẩy mạnh tiến độ giải phóng mặt bằng, chú trọng đầu tư hoàn thiện hạ tầng cả trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp, trong đó tập trung: KCN Châu Sơn mở rộng, KCN Thái Hà (giai đoạn 1), KCN Đồng Văn III (giai đoạn II), KCN Đồng Văn IV, KCN Thanh Liêm (giai đoạn 2)... tạo mặt bằng sạch để sẵn sàng thu hút đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ các dự án kết nối giao thông như cảng ICD, cảng sông, các tuyến đường kết nối các khu công nghiệp với quốc lộ 1, đường cao tốc.

1.4.Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ doanh nghiệp khu công nghiệp, chất lượng các công trình hạ tầng, đồng bộ các dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp như điện, nước, nhà ở công nhân, chuyên gia, xử lý rác thải, logistics...

1.5.Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề giỏi cung cấp đầy đủ kịp thời cho các doanh nghiệp.

1.6.Tiếp tục mời gọi các nhà đầu tư đầu tư vào các lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, khu vui chơi giải trí ... để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của chuyên gia và người lao động.

2. Phát triển thương mại

2.1. Phát triển thương mại của tỉnh gắn với phát triển thương mại của các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, gắn hiệu quả kinh tế xã hội với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hài hòa giữa thị trường thành thị và nông thôn, giữa thương mại truyền thống và hiện đại. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có thế mạnh và lợi thế so sánh.

2.2. Tập trung vào phát triển thị trường nội địa tương xứng với quy mô và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Tạo ra không gian tổ chức lưu thông hàng hóa một cách chặt chẽ từ sản xuất - lưu thông - tiêu dùng; Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ: Chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống kho bãi... và các loại hình dịch vụ, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa; Kiểm tra, kiểm soát quản lý thị trường có hiệu quả, thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; chú trọng công tác xúc tiến thương mại hỗ trợ các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp mới, vừa và nhỏ; Xây dựng nhận thức cho doanh nghiệp về tầm quan trọng của thương hiệu, nhãn hiệu, quyền sở hữu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, tính cạnh tranh và khả năng tự bảo vệ trên thị trường quốc tế của doanh nghiệp.

2.3. Tăng cường năng lực sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp để nâng cao sức cạnh tranh trong môi trường hội nhập. Nhanh chóng tìm kiếm các đối tác mới để mở rộng thị trường xuất khẩu với quy mô ngày càng lớn hơn; Tập trung vào những thị trường truyền thống và mở rộng thêm thị trường Nam Mỹ, Châu Phi, mở rộng xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng chế biến nông, lâm sản.

2.4. Đẩy mạnh ứng dụng các phương thức thương mại hiện đại, thương mại điện tử, công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại; Tích cực và chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế đầy đủ và sâu rộng để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ

dàng tiếp cận thị trường; Cải tiến việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, phát triển các thị trường tiềm năng và các ngành hàng xuất khẩu hiệu quả và khả thi.

2.5. Hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, ứng dụng và phát triển thương mại điện tử, tìm kiếm thị trường, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ các nguồn xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

2.6. Tăng cường liên kết giữa Hà Nam với các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; tổ chức nghiên cứu thị trường, tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại với các thị trường trọng điểm, thị trường các tỉnh lân cận; Xác định lợi thế so sánh và khả năng giao lưu thương mại nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trước mắt tập trung triển khai tốt các nội dung hợp tác tiêu thụ hàng nông sản tại thị trường Hà Nội.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

3.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các nhóm ngành chưa phát triển đúng với quan điểm Nghị quyết, nhất là đối với nhóm ngành sản xuất Vật liệu xây dựng. Trong thời gian tới, thông qua việc không thu hút, không gia hạn các dự án khai thác đá làm VLXD thông thường, dừng hoạt động 11 dự án khai thác ảnh hưởng Khu du lịch Tam Chúc, sân Golf Tượng Lĩnh⁶, đồng thời hoạt động khai thác đá tạo mặt bằng các nhà máy xi măng hoàn thành⁷ sản lượng đá khai thác sẽ giảm và được duy trì, ổn định công suất 10 triệu m³/năm.

Đối với nhóm ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, lắp ráp trong thời gian tới, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư trong ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp nói chung, dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Hồng Đức tại cụm CN Châu Giang nói riêng sớm đi vào hoạt động và cho ra sản phẩm.

3.2. Công tác thẩm định dự án đầu tư, năng lực nhà đầu tư cần được chú trọng, kiên quyết không chấp thuận các dự án có hiệu quả thấp, sử dụng đất lãng phí; theo dõi sát sao tiến độ thực hiện đầu tư; thường xuyên rà soát, chấn chỉnh kịp thời các dự án không hiệu quả.

3.3. Tăng cường phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý thương mại để nâng cao hiệu quả hoạt động của loại hình chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích.

V. Kiến nghị, đề xuất

⁶ Mỏ đá của Công ty Chương Dương và Công ty Hữu Phước (sẽ bị dừng từ 30/6/2022 do bị ảnh hưởng đến dự án KDL Tam Chúc); 09 mỏ đá sẽ bị dừng bởi dự án sân Golf Tượng Lĩnh: Cty Hưng Phú, Cty Thống Nhất, Cty Vĩnh Sơn, Cty Tiên Sơn, Cty VLXD Nhà 28, Cty Lĩnh Sơn, Cty Trường Xuân Hà Nam, Cty Việt San, Cty Hoàng Hà).

⁷ Nhà máy xi măng Thành Thắng III, Xuân Thành III sắp hoàn thành; Nhà máy xi măng Long Thành sẽ hoàn thành năm 2021

1. Để ngành công nghiệp nói chung và các nhóm ngành công nghiệp nói riêng phát triển đảm bảo các mục tiêu Nghị quyết đề ra và theo đúng Luật quy hoạch cần xây dựng và tăng cường thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường, bảo vệ cảnh quan và hạ tầng giao thông thay cho phương pháp quản lý cũ (*ấn định sản lượng, sản phẩm cụ thể*)⁸. Đối với các nhóm ngành cần ưu tiên, khuyến khích phát triển thì xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật vừa phải, kèm theo các chính sách ưu đãi. Đối với các nhóm ngành cần hạn chế, không khuyến khích phát triển thì áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật cao để điều tiết các hoạt động sản xuất theo mục tiêu quy hoạch.

2. Hiện nay, tình trạng họp chợ tự phát diễn ra ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự giao thông, cảnh quan đô thị, làm giảm hiệu quả của các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích,... đã được đầu tư xây dựng hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn về thương mại. Để loại hình thương mại chợ, siêu thị,... phát triển theo quy hoạch và hoạt động hiệu quả, có nề nếp. Đề nghị các cấp chính quyền cần thực hiện quyết liệt các biện pháp dẹp bỏ các chợ cóc, chợ tạm, các điểm mua bán trên vỉa hè, dưới lòng các tuyến đường giao thông./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát của HĐND tỉnh;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Đinh Văn An

⁸ Điểm d, khoản 1, Điều 59 Luật quy hoạch 2017 quy định: Các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt hết hiệu lực chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2018.